

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2021
V/v: “Xin ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Anh V
2. Ông: Hoàng Văn H

Thư ký tòa án ghi biên bản: Ông Lâu Văn C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn C - KSV

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST- HNGĐ, ngày 18/12/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST, ngày 16/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N - Sinh ngày 10/8/1991

Trú tại: Thôn Oanh Kiều, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Lê Văn D - Sinh ngày 25/10/1983

Trú tại: Bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020; bản tự khai ngày 16/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Cưới nhau xong được một

thời gian thì vợ chồng lên bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá để làm ăn buôn bán, tuy khó khăn về kinh tế nhưng vợ chồng vẫn cố gắng lo toan để lo cho cuộc sống gia đình. Trong cuộc sống cũng có lúc cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong làm kinh tế và cách dạy con cái. Chị N đã cố gắng nhường nhịn nhưng không cứu vãn được, cuộc sống vợ chồng từ đó có không được hạnh phúc như trước. Năm 2019, chị N làm đơn xin ly hôn, gia đình anh D khuyên nhủ, anh D hứa sẽ thay đổi và tu trí làm ăn nên chị N rút đơn khởi kiện tạo cơ hội cho anh D nhưng anh D thường xuyên uống rượu say xỉn, không quan tâm đến gia đình, vợ và các con, tình cảm vợ chồng lại rạn nứt hơn nhiều. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, chị N và con gái Lê Thị Yên N về sống với bố mẹ đẻ của chị N tại Thôn Oanh Kiều, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, anh D và con trai Lê Nhi S sinh sống ở bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Lê Thị Yên N, sinh ngày 24/9/2012, hiện đang học lớp 3, trường Tiểu học Thiệu Công, cháu ở với chị và cháu Lê Nhi S, sinh ngày 03/3/2015 hiện đang học lớp Mẫu giáo tại bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, cháu ở với anh D, chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu N đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh D đóng góp nuôi con chung. Cháu N hiện tại cháu khỏe mạnh, không ốm đau, không bệnh tật gì. Anh D nói với chị muốn được nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu S cho đến khi trưởng thành, chị tôn trọng anh D nên đồng ý để anh D nuôi dưỡng cháu S.

Chị cam đoan, ngoài cháu N và cháu S, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại chị Nga sức khỏe tốt, không ốm đau, không có thai nghén.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn D, sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ nêu ý kiến, nguyện vọng của anh về việc chị Nga xin ly hôn cho Tòa án. Tòa án đã giải quyết vụ án theo đúng các trình tự tố tụng quy định.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Thị N.

Về Hôn nhân: Xử cho các đương sự ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Lê Yến N , sinh ngày 24/9/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Giao cháu Lê Nhi S , sinh ngày 03/3/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành. Anh D và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu N và cháu S nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh D , chị N không được ngăn cấm hoặc cản trở nhau thăm con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Trịnh Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Anh Lê Văn D , sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình không đến tham gia phiên tòa, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Chị Trịnh Thị N và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Phú vào ngày 10/01/2012, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Chị N và anh D chung sống với nhau từ năm 2012 và có 02 người con chung là Lê Thị Yến N , sinh ngày 24/9/2012 và cháu Lê Nhi S , sinh ngày 03/3/2015. Năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn nhưng chị cũng cố gắng khuyên bảo và nhường nhịn để giữ lại hạnh phúc về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống không đồng nhất quan điểm trong làm kinh tế cũng như nuôi dạy con dẫn đến cãi nhau, đã sống ly thân, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau như theo lời khai của chị N và cũng phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương ngày 20/01/2021. Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giải quyết cho chị N và anh D ly hôn.

[5]. Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2012, hiện đang học lớp 3, trường Tiểu học xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hoá, cháu ở với chị N. Giao cháu N cho chị Nga trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành, cháu Lê Nhi S, sinh ngày 03/3/2015 hiện cháu đang học Mẫu giáo, tại bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, cháu ở với anh D. Giao cháu S cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành. Anh D và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu Nhi và cháu S nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho đôi bên, chị N và anh D không được ngăn cấm hoặc cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9]. Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; điều 58; Điều 82, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Trịnh N và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2012 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành; Giao cháu Lê Nhi S, sinh ngày 03/3/2015 cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành.

Anh D và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu Nhi và cháu Sơn nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh D, chị N không được ngăn cấm hoặc cản trở nhau thăm con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/000941, ngày 16/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát;
- UBND xã Thiệu Công, Thiệu Hóa
- UBND xã Thiệu Phú, Thiệu Hóa
- Chi cục THSDS huyện Mường Lát;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T